

Bản án số: 131/2024/DS-ST  
Ngày: 27/6/2024  
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín  
dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Võ Thanh Nga
- Bà Đinh Kim Hoàng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2023/TLST-DS, ngày 22/12/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 534/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty T (Việt Nam)**

Trụ sở: Số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000

Địa chỉ liên lạc: P, Tầng D, Tòa nhà G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

Bị đơn: Bà **Biện Thị L**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Số B N, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có ông Nguyễn Du Ngọc L1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/9/2022, bà Biện Thị L có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty T (Việt Nam) với khoản vay là 23.694.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 48%/năm. Theo đó, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi hàng tháng là 1.253.463 đồng, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng, bà L đã không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Công ty. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Công ty T (Việt Nam) buộc bà Biện Thị L thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 07/5/2024 là 36.339.500 đồng (trong đó nợ gốc là 22.906.356 đồng, lãi trong hạn là 10.751.687 đồng, lãi quá hạn là 2.051.536 đồng và lãi chậm trả là 629.921 đồng). Bà L phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 08/5/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nêu trên.

Bị đơn bà Biện Thị L: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà L, để bà L thực hiện việc tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng bà L vắng mặt không có lý do.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt và trình bày: Ngày 06/9/2022, bà Biện Thị L có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty T (Việt Nam) với khoản vay là 23.694.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 48%/năm. Theo đó, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi hàng tháng là 1.253.463 đồng, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 18/3/2023, bà L thanh toán cho Công ty được 03 kỳ với số tiền là 3.795.000 đồng. Sau đó, bà L không thanh toán tiếp, mặc dù, Công ty đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty T (Việt Nam) buộc bà Biện Thị L thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/6/2024 là 38.489.080 đồng (trong đó nợ gốc là 22.906.356 đồng, lãi trong hạn là 12.121.360 đồng, lãi quá hạn là 2.670.893 đồng và lãi chậm trả là 790.471 đồng). Kể từ ngày 28/6/2024, bà L còn tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty.

Bị đơn bà Biện Thị L: Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Do bà Biện Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện theo đúng thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Biện Thị L thanh toán số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bà Biện Thị L có nơi cư trú tại Quận D, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự: Công ty T (Việt Nam) có bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt; Bị đơn là bà Biện Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam) buộc bà Biện Thị L thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/6/2024 là 38.489.080 đồng (trong đó nợ gốc là 22.906.356 đồng, lãi trong hạn là 12.121.360 đồng, lãi quá hạn là 2.670.893 đồng và lãi chậm trả là 790.471 đồng). Kể từ ngày 28/6/2024, bà L còn tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4077429 ngày 07/12/2022 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Công ty T (Việt Nam) cho bà Biện Thị L vay số tiền là 23.694.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 48%/năm. Theo đó, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi hàng tháng là 1.253.463 đồng, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025. Xét việc thỏa thuận của các bên là phù hợp theo quy định tại Điều 91 và Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 18/3/2023, bà L thanh toán cho Công ty được 03 kỳ với số tiền là 3.795.000 đồng. Sau đó, bà L không thanh toán

tiếp cho Công ty, mặc dù Công ty đã thông báo nhắc nhở nhiều lần, nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, thể hiện bà L đã vi phạm Điều 8 mà các bên đã thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4077429 ngày 07/12/2022.

Do đó, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu bà Biện Thị L thanh toán số tiền nợ còn thiếu là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam), buộc bà Biện Thị L thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/6/2024 là 38.489.080 đồng (trong đó nợ gốc là 22.906.356 đồng, lãi trong hạn là 12.121.360 đồng, lãi quá hạn là 2.670.893 đồng và lãi chậm trả là 790.471 đồng). Kể từ ngày 28/6/2024, bà L còn tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty.

[2.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc bà Biện Thị L thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/6/2024 là 38.489.080 (ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi tám) đồng (trong đó nợ gốc là 22.906.356 đồng, lãi trong hạn là 12.121.360 đồng, lãi quá hạn là 2.670.893 đồng và lãi chậm trả là 790.471 đồng). Kể từ ngày 28/6/2024, bà L còn tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty.

Kể từ ngày 28/6/2024, bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm

Hợp đồng tín dụng số 4077429 ngày 07/12/2022 được ký kết giữa Công ty T (Việt Nam) và bà Biện Thị L.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Biện Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.924.454 (một triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi bốn) đồng.

- H lại số tiền tạm ứng án phí là 693.000 (sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng theo biên lai số 0042755 ngày 01/12/2023 cho Công ty T (Việt Nam) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Hồng Loan**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Kim Hoàng    Võ Thanh Nga**

**Nguyễn Trần Hồng Loan**

